



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*  
**HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM**  
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84 24) 37911555; Email: [vpcongnhan@boa.gov.vn](mailto:vpcongnhan@boa.gov.vn); <http://www.boa.gov.vn>

---

## **QUY ĐỊNH RIÊNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VietGAP**

*SPECIFIC REQUIREMENTS FOR ACCREDITATION OF  
CB OPERATING CERTIFICATION OF VietGAP*

**Mã số/ Code: ARC.13**

**Lần ban hành/ Issue number: 4.24**

**Ngày ban hành/ Issue date: 05/01/2024**

**1. Mục đích**

Tài liệu này đưa ra yêu cầu cụ thể cho việc công nhận tổ chức chứng nhận VietGAP (TCCN).

**2. Tài liệu liên quan**

– Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT

**3. Yêu cầu về khách hàng của TCCN**

TCCN phải hoàn thành quá trình chứng nhận cho ít nhất 01 khách hàng.

**4. Yêu cầu về năng lực chuyên gia đánh giá của TCCN**

Chuyên gia đánh giá của TCCN phải có trình độ Đại học trở lên.

**5. Phạm vi công nhận và các chuẩn mực công nhận, chuẩn mực chứng nhận tương ứng**

BoA cấp công nhận cho các TCCN theo các nhóm sản phẩm dưới đây:

**1. Purpose**

This document specifies the requirements for accreditation of VietGAP certification bodies (CB).

**2. Reference**

– Decree No. 48/2012/TT-BNNPTNT;

**3. Requirements regarding clients of CB**

CB shall complete the certification process for at least 01 client.

**4. Requirements regarding competence of CB's auditors**

CB's auditors and Inspectors shall be at least university graduated.

**5. Scope of accreditation and relevant accreditation criteria, certification criteria**

BoA grants accreditation for CBs according to the following product groups:

Phạm vi công nhận <i>Accreditation scope</i>		Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm <i>Scopes</i>	Phân nhóm <i>Sub-scopes</i>		
Quy trình thực hành chăn nuôi tốt tại Việt Nam (VietGAHP) <i>Good Animal Husbandary Practices in Vietnam (VietGAHP)</i>	Chăn nuôi lợn <i>Pig Production</i>	4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015	ISO/IEC 17065 48/2012/TT-BNNPTNT 06/2018/TT-BNNPTNT
	Chăn nuôi gà <i>Chicken Production</i>		
	Chăn nuôi vịt, ngan <i>Duck and Muscovy Duck Production</i>		
	Chăn nuôi bò thịt <i>Beef Cattle Production</i>		
	Chăn nuôi bò sữa <i>Dairy Production</i>		
	Chăn nuôi dê thịt <i>Meat Goat Production</i>		
	Chăn nuôi dê sữa <i>Dairy Goat Production</i>		
	Chăn nuôi ong mật <i>Honey Bee Keeping</i>		
Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt tại Việt Nam (VietGAP) <i>Vietnamese Good Aquaculture Practices (VietGAP)</i>		3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/9/2014	

Phạm vi công nhận <i>Accreditation scope</i>		Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm <i>Scopes</i>	Phân nhóm <i>Sub-scopes</i>		
Thực hành nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP) – Trồng trọt <i>Vietnamese Good Agriculture Practices (VietGAP) – Crop Production</i>		TCVN 11892-1:2017	ISO/IEC 17065

## 6. Yêu cầu về đánh giá chứng kiến

Khi đánh giá chứng kiến, đoàn đánh giá công nhận phải có năng lực kỹ thuật.

### 6.1 Chứng kiến khi đánh giá công nhận lần đầu

Phải chứng kiến tối thiểu 01 cuộc đối với mỗi nhóm đăng ký công nhận.

### 6.2 Chứng kiến để duy trì công nhận

Trong một chu kỳ công nhận (từ khi được công nhận đến hết hiệu lực công nhận), phải chứng kiến tối thiểu 01 cuộc đối với mỗi nhóm được công nhận.

Ngoài ra, trong một chu kỳ công nhận cần chứng kiến:

- Các chuyên gia đánh giá khác nhau;
- Các khách hàng khác nhau;
- Các loại hình đánh giá khác nhau (đánh giá chứng nhận lần đầu, đánh giá giám sát, đánh giá tái chứng nhận).

### 6.3 Chứng kiến để mở rộng phạm vi công nhận

Để mở rộng sang nhóm chưa được công nhận: quy định về chứng kiến tương tự như đối với đánh giá công nhận lần đầu (mục 6.1).

Không yêu cầu chứng kiến khi mở rộng thêm phân nhóm trong nhóm "Chăn nuôi".

## 7. Xác định thời lượng đánh giá công nhận

## 6. Requirements regarding witnessing

In witnessing assessment, the assessment team shall have technical competence.

### 6.1 Witnessing for initial assessment

At least 01 witnessing shall be conducted for each applied scope.

### 6.2 Witnessing for maintaining of accreditation

In an accreditation cycle (from accreditation granted until accreditation expired), at least 01 witnessing shall be conducted for each accredited scope.

In addition, in an accreditation cycle, it is necessary to witness:

- Different auditors;
- Different audited clients;
- Different types of audit (initial certification, surveillance and re-certification).

### 6.3 Witnessing for extension of accreditation

For extension to a new scope: witnessing requirements are similar to those for initial accreditation (see 6.1).

Witnessing is not required for extension to a new sub-scope in VietGAHP scope.

## 7. Determination of assessment duration

Hoạt động đánh giá/ <i>Assessment activities</i>	Thời lượng/ <i>Duration</i>
Xem xét tài liệu hệ thống (đối với công nhận lần đầu, chuyển đổi tiêu chuẩn)/ <i>Document review (applicable for initial assessment, transition to new assessment standard)</i>	1 MD
Đánh giá tại văn phòng/ <i>Office assessment:</i>	
• Đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i>	3 MD
• Đánh giá giám sát/ <i>Surveillance assessment</i>	1 MD
• Đánh giá công nhận lại/ <i>Reaccreditation assessment</i>	2 MD

Hoạt động đánh giá/ <i>Assessment activities</i>	Thời lượng/ <i>Duration</i>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá mở rộng/ <i>Extension assessment</i></li> </ul>	1 MD mỗi nhóm/ <i>each scope</i>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá tại các địa điểm khác ngoài trụ sở chính của TCCN (nếu có)/ <i>Assessment at sites of CB other than the main site (if any)</i></li> </ul>	1 MD mỗi địa điểm/ <i>each site</i>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Giảm thời lượng đánh giá trong các trường hợp đánh giá kết hợp các hệ thống (giảm không quá)/ <i>Reduction of assessment duration in case of integrated assessment (reduction shall not exceed)</i></li> </ul>	30% tổng thời lượng đánh giá <i>30% of total assessment time</i>
Đánh giá chứng kiến/ <i>Witnessing assessment</i>	Theo thời lượng cuộc đánh giá được chứng kiến <i>According to the duration of the audit witnessed</i>
Thẩm xét hồ sơ/ <i>Reviewing of assessment records</i>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i></li> </ul>	1 MD
<ul style="list-style-type: none"> <li>Các loại hình đánh giá khác/ <i>Other types of assessment</i></li> </ul>	0.5 MD

Ghi chú/ *Note*: MD (manday) – Ngày công đánh giá